

Số: 352/QĐ-CĐKTCN

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Miễn, giảm học phí học kỳ I (đợt 1) năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 752/QĐ-CĐKTCN ngày 02 tháng 06 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc quy định mức thu học phí năm học 2022-2023 đến 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 237/QĐ-CĐKTCN ngày 25 tháng 09 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về phê duyệt học sinh, sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí học kỳ I (đợt 1) năm học 2025-2026.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Tài chính:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Miễn, giảm học phí học kỳ I (đợt 1) năm học 2025-2026 cho **903** học sinh, sinh viên (HSSV), với tổng số tiền: **3.445.730.000 đồng**, cụ thể như sau:

- Miễn 100% học phí học kỳ I (đợt 1) năm học 2025-2026 cho **442** HSSV, với số tiền: **1.930.300.000 đồng** (có danh sách kèm theo);

- Giảm 70% học phí học kỳ I (đợt 1) năm học 2025-2026 cho **461** HSSV, với số tiền: **1.515.430.000 đồng** (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Chế độ miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3: Trưởng phòng Quản trị chất lượng - Học sinh, sinh viên; Trưởng phòng Tổ chức - Tài chính; Trưởng các đơn vị có liên quan và học sinh, sinh viên có tên tại **Điều 1** căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (VBĐT);
- Công thông tin HSSV;
- Lưu: VT, QTCL-HSSV, TCTC (02b).

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Nguyễn Văn Lược

DANH SÁCH MIỄN HỌC PHÍ HỌC KÌ I (ĐỢT 1) NĂM HỌC 2025-2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 352/QĐ-CDKTCN ngày 29 tháng 10 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

STT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C	D	E	F	G=F*5	H
1	TCCGKL18A01	Nguyễn Văn Đông	29/01/2009	TC-CGKL18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
2	TCCGKL18A02	Võ Quốc Huy	19/06/2009	TC-CGKL18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
3	TCCGKL18A05	Nguyễn Duy Hòa	06/11/2008	TC-CGKL18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
4	TCCGKL18A07	Đỗ Trương Minh Quân	15/11/2009	TC-CGKL18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
5	TCCGKL18A08	Trần Minh Quân	04/05/2009	TC-CGKL18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
6	TCCGKL18A06	Trần Văn Quang	25/11/2009	TC-CGKL18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
7	TCCGKL18A09	Nguyễn Chí Thiện	01/04/2009	TC-CGKL18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
8	TCCNOT18A01	Lê Duy Anh	08/08/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
9	TCCNOT18A02	Phạm Ngọc Anh	21/01/2008	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
10	TCCNOT18A04	Võ Lê Tuấn Cảnh	14/03/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
11	TCCNOT18A08	Trần Thành Đạt	19/11/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
12	TCCNOT18A05	Nguyễn Văn Tiến Dũng	13/11/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
13	TCCNOT18A06	Lê Đình Duy	19/09/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
14	TCCNOT18A10	Nguyễn Quốc Hải	05/01/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
15	TCCNOT18A11	Hồ Chí Hạo	19/11/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
16	TCCNOT18A12	Nguyễn Văn Hiếu	06/01/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
17	TCCNOT18A14	Dương Ngọc Hòa	10/03/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
18	TCCNOT18A15	Lại Xuân Hồng	09/01/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
19	TCCNOT18A17	Nguyễn Tấn Hưng	10/04/2008	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5	H
20	TCCNOT18A19	Nguyễn Lê Tấn	Khải	06/02/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
21	TCCNOT18A20	Nguyễn Huỳnh Trí	Khang	12/10/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
22	TCCNOT18A21	Trần Gia	Khang	03/03/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
23	TCCNOT18A18	Lê Anh	Kiệt	14/11/2008	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
24	TCCNOT18A23	Nguyễn Hoàng Phi	Long	15/03/2007	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
25	TCCNOT18A24	Đình Xuân	Mạnh	09/07/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
26	TCCNOT18A25	Lê Gia	Minh	08/07/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
27	TCCNOT18A26	Trần Hữu	Nghĩa	26/05/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
28	TCCNOT18A27	Nguyễn Thành	Nhân	10/08/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
29	TCCNOT18A28	Nguyễn Trường	Phát	15/06/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
30	TCCNOT18A29	Lý Hoàng Quốc	Phong	23/10/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
31	TCCNOT18A31	Đoàn Minh	Quân	19/09/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
32	TCCNOT18A32	Huỳnh Đức	Quân	07/01/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
33	TCCNOT18A33	Phạm Nguyễn Hoàng	Quý	23/05/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
34	TCCNOT18A35	Nguyễn Ngọc Vân	Tiên	10/09/2004	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
35	TCCNOT18A36	Võ Duy	Tiến	23/11/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
36	TCCNOT18A37	Nguyễn Anh	Tuấn	07/06/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
37	TCCNOT18A38	Trương Nguyễn Gia	Tuấn	27/10/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
38	TCCNOT18A42	Lâm Thiên	Vũ	20/04/2009	TC-CNOT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
39	TCCNOT18B01	Mai Nguyễn Văn	Anh	18/01/2008	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
40	TCCNOT18B04	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	22/07/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
41	TCCNOT18B07	Nguyễn Su	Đa	09/04/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
42	TCCNOT18B09	Trần Minh	Đặng	16/07/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
43	TCCNOT18B12	Nguyễn Đức	Hạnh	08/02/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
44	TCCNOT18B13	Lê Trọng	Hiếu	30/07/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
45	TCCNOT18B14	Nguyễn Ngọc Khánh	Hòa	24/03/2008	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5	H
46	TCCNOT18B16	Nguyễn Minh	Hùng	29/05/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
47	TCCNOT18B17	Dương Minh	Huy	29/12/2008	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
48	TCCNOT18B19	Nguyễn Quang	Khải	27/10/2008	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
49	TCCNOT18B20	Cái Hoàng Phi	Khang	20/10/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
50	TCCNOT18B21	Phạm Minh	Khang	25/06/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
51	TCCNOT18B22	Nguyễn Tấn	Khánh	20/02/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
52	TCCNOT18B18	Lê Đức An	Kỳ	20/09/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
53	TCCNOT18B26	Trần Quang	Minh	03/01/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
54	TCCNOT18B28	Trần Nhật Bảo	Nguyên	12/07/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
55	TCCNOT18B29	Trần Xuân	Nhân	26/12/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
56	TCCNOT18B31	Phạm Ngô Hữu	Phát	15/10/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
57	TCCNOT18B33	Lê Huỳnh Hoàng	Phúc	02/05/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
58	TCCNOT18B39	Nguyễn Duy	Thanh	06/02/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
59	TCCNOT18B40	Ngô Trọng	Thành	27/03/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
60	TCCNOT18B41	Bùi Thế	Thịnh	03/07/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
61	TCCNOT18B42	Nguyễn Duy	Thông	15/03/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
62	TCCNOT18B35	Nguyễn Hữu	Tiến	09/07/2007	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
63	TCCNOT18B38	Thái Thanh	Tùng	23/07/2009	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
64	TCCNOT18B43	Lê Hoàng Anh	Việt	18/08/2008	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
65	TCCNOT18B44	Nguyễn Huy	Vũ	13/07/2006	TC-CNOT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
66	TCCNOT18C01	Nguyễn Tuấn	Anh	10/02/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
67	TCCNOT18C02	Lê Quốc	Bảo	19/02/2008	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
68	TCCNOT18C03	Trương Quang	Bảo	01/07/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
69	TCCNOT18C07	Trần Minh	Đạt	29/05/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
70	TCCNOT18C08	Nguyễn Hữu Minh	Đông	23/04/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
71	TCCNOT18C04	Hoàng Quốc	Duy	12/11/2008	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5	H
72	TCCNOT18C05	Phan Tại	Duy	14/10/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
73	TCCNOT18C09	Võ Quốc	Hào	10/10/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
74	TCCNOT18C12	Đặng Tiến	Học	01/06/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
75	TCCNOT18C13	Hoàng Quốc	Huy	11/06/2007	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
76	TCCNOT18C16	Nguyễn Quốc	Khánh	04/11/2006	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
77	TCCNOT18C18	Trần Anh	Khôi	30/11/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
78	TCCNOT18C19	Nguyễn Huỳnh Trúc	Lâm	22/12/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
79	TCCNOT18C24	Nguyễn Duy	Nhân	10/11/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
80	TCCNOT18C25	Lê Tiến	Phát	30/08/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
81	TCCNOT18C27	Võ Nhật	Phi	13/02/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
82	TCCNOT18C28	Lê Nhuận	Phú	13/12/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
83	TCCNOT18C29	Lê Thanh	Quân	17/07/2007	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
84	TCCNOT18C31	Huỳnh Diệp Thái	Son	19/01/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
85	TCCNOT18C35	Trần Quang Thiện	Thanh	26/11/2007	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
86	TCCNOT18C32	Nguyễn Văn	Tiến	25/05/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
87	TCCNOT18C40	Đỗ Khắc	Trọng	14/12/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
88	TCCNOT18C33	Lưu Anh	Tuấn	15/01/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
89	TCCNOT18C41	Lê Hồng Thanh	Việt	16/09/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
90	TCCNOT18C42	Võ Văn	Vương	23/09/2009	TC-CNOT18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
91	TCCBMA18A01	Nguyễn Văn	An	15/08/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
92	TCCBMA18A02	Nguyễn Việt	Anh	23/05/2008	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
93	TCCBMA18A03	Nguyễn Thị Kim	Ảnh	30/12/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
94	TCCBMA18A04	Trần Quang	Bình	04/11/2008	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
95	TCCBMA18A06	Kiều Thiên	Đạt	05/11/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
96	TCCBMA18A05	Trần Đức	Duy	08/06/2007	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
97	TCCBMA18A07	Dương Văn Thanh	Hà	11/02/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5	H
98	TCCBMA18A08	Nguyễn Trung	Hiếu	09/10/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
99	TCCBMA18A09	Nguyễn Lê Xuân Khánh	Hoàng	26/11/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
100	TCCBMA18A10	Thái Huy	Hoàng	05/01/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
101	TCCBMA18A11	Huỳnh Lê Gia	Huy	12/12/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
102	TCCBMA18A12	Nguyễn Đức	Huy	16/01/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
103	TCCBMA18A13	Trần Nguyễn Nhất	Huy	10/02/2008	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
104	TCCBMA18A15	Nguyễn	Khánh	18/05/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
105	TCCBMA18A16	Huỳnh Nguyễn Anh	Khoa	23/02/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
106	TCCBMA18A14	Lê Gia	Kiệt	09/02/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
107	TCCBMA18A17	Nguyễn Hoàng Trúc	Linh	23/02/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
108	TCCBMA18A18	Nguyễn Lê	Mai	05/02/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
109	TCCBMA18A19	Lê Hoàng	Nam	20/08/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
110	TCCBMA18A20	Huỳnh Đăng Bảo	Nguyên	02/03/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
111	TCCBMA18A21	Phan Nguyễn Hòa	Như	23/11/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
112	TCCBMA18A23	Nguyễn Minh	Quang	27/01/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
113	TCCBMA18A24	Nguyễn Hoàng	Sinh	13/09/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
114	TCCBMA18A29	Từ Đức	Thắng	28/01/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
115	TCCBMA18A30	Nguyễn Chí	Thiện	11/08/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
116	TCCBMA18A26	Khổng Hồ Xuân	Tiến	13/07/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
117	TCCBMA18A27	Phạm Minh	Tiến	03/02/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
118	TCCBMA18A35	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	20/11/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
119	TCCBMA18A36	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	01/05/2008	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
120	TCCBMA18A37	Trần Nguyên	Vũ	08/12/2009	TC-CBMA18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
121	TCCBMA18B01	Quách Phú	An	08/04/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
122	TCCBMA18B03	Hồ Gia	Bảo	29/09/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
123	TCCBMA18B04	Nguyễn Tiến	Dũng	03/05/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5	H
124	TCCBMA18B07	Trần Huỳnh Kim	Hiền	17/02/2008	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
125	TCCBMA18B08	Nguyễn Phi	Hùng	18/11/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
126	TCCBMA18B11	Võ Lê Ngọc	Hương	14/06/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
127	TCCBMA18B09	Lê Minh	Huy	10/11/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
128	TCCBMA18B10	Nguyễn Hoàng	Huy	05/09/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
129	TCCBMA18B15	Nguyễn Hoàng Duy	Khôi	08/05/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
130	TCCBMA18B12	Nguyễn Tuấn	Kiệt	29/10/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
131	TCCBMA18B16	Phan Văn	Minh	21/10/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
132	TCCBMA18B17	Đặng Minh	Nghĩa	18/02/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
133	TCCBMA18B18	Huỳnh Lê Thảo	Nguyên	22/09/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
134	TCCBMA18B20	Nguyễn Võ Hạnh	Phúc	30/08/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
135	TCCBMA18B21	Phùng Nhật	Quang	08/06/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
136	TCCBMA18B23	Lâm Hoàn	Quý	25/08/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
137	TCCBMA18B24	Nguyễn Trung	Tài	30/10/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
138	TCCBMA18B29	Nguyễn Ngọc Anh	Thi	06/09/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
139	TCCBMA18B30	Nguyễn Ngọc Xuân	Thùy	31/07/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
140	TCCBMA18B25	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	13/11/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
141	TCCBMA18B26	Lê Hoàng Anh	Tiến	05/01/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
142	TCCBMA18B27	Tăng Nguyễn Hoàng	Tiến	14/10/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
143	TCCBMA18B31	Kiều Nguyễn Huyền Yên	Trâm	11/11/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
144	TCCBMA18B32	Phạm Hà Ngọc	Trân	03/08/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
145	TCCBMA18B28	Trương Anh	Tuấn	12/09/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
146	TCCBMA18B33	Phan Vân Tố	Uyên	19/06/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
147	TCCBMA18B34	Nguyễn Ngọc	Vina	30/04/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
148	TCCBMA18B35	Nguyễn Trần Quang	Vinh	13/02/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
149	TCCBMA18B36	Ngô Nhật	Vy	15/07/2009	TC-CBMA18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5	H
150	TCCBMA18C01	Nguyễn Lê Minh	Anh	08/02/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
151	TCCBMA18C03	Võ Tuấn	Anh	25/05/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
152	TCCBMA18C05	Trần Công	Danh	03/07/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
153	TCCBMA18C08	Ngô Thị Ngọc	Hân	28/11/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
154	TCCBMA18C09	Hoàng Phi	Hồng	17/11/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
155	TCCBMA18C10	Nguyễn	Huy	02/01/2008	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
156	TCCBMA18C11	Nguyễn Ngô Tấn	Huy	16/02/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
157	TCCBMA18C15	Huỳnh Lê Tuấn	Khải	03/08/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
158	TCCBMA18C13	Võ Gia	Kiên	05/01/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
159	TCCBMA18C14	Nguyễn Anh	Kim	05/03/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
160	TCCBMA18C17	Trần Hoàng Bình	Minh	23/05/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
161	TCCBMA18C18	Nguyễn Hoàng	Nam	29/07/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
162	TCCBMA18C19	Lê Vương Bảo	Ngọc	19/11/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
163	TCCBMA18C20	Lữ Hồi	Nguyên	16/06/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
164	TCCBMA18C21	Nguyễn Ngọc	Nhi	07/04/2008	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
165	TCCBMA18C22	Lê Huỳnh Tiến	Phát	10/02/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
166	TCCBMA18C26	Nguyễn Đỗ Thiên	Quý	28/08/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
167	TCCBMA18C31	Hà Huy	Thắng	26/06/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
168	TCCBMA18C32	Vũ Trần Ngọc	Thùy	30/05/2008	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
169	TCCBMA18C27	Đình Tấn	Tiến	09/02/2007	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
170	TCCBMA18C29	Trương Hoàng Bách	Tiến	28/10/2008	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
171	TCCBMA18C33	Phạm Thị Ngọc	Trâm	28/09/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
172	TCCBMA18C34	Nguyễn Bảo	Trung	03/03/2008	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
173	TCCBMA18C30	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	18/07/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
174	TCCBMA18C36	Đào Thị Kim	Yên	05/10/2009	TC-CBMA18C	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
175	TCCBMA18D04	Huỳnh Tiến	Đạt	18/11/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp

STT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C	D	E	F	G=F*5	H
176	TCCBMA18D05	Nguyễn Thành Đạt	18/10/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
177	TCCBMA18D03	Lê Thiên Kiều Ngọc Diệp	25/03/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
178	TCCBMA18D06	Nguyễn Cao Bảo Hân	24/10/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
179	TCCBMA18D07	Nguyễn Hoàng Bảo Hân	05/04/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
180	TCCBMA18D08	Nguyễn Huy Hoàng	25/10/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
181	TCCBMA18D12	Nguyễn Thị Thu Hường	24/10/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
182	TCCBMA18D09	Hoàng Lê Ngọc Huy	17/04/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
183	TCCBMA18D11	Nguyễn Quốc Huy	14/01/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
184	TCCBMA18D14	Trần Đức Khiêm	07/09/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
185	TCCBMA18D13	Dương Tấn Kiệt	21/09/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
186	TCCBMA18D16	Lê Duy Liêm	11/12/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
187	TCCBMA18D17	Hồ Quỳnh My	25/02/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
188	TCCBMA18D18	Đặng Vĩnh Nguyên	06/11/2008	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
189	TCCBMA18D19	Nguyễn Hồ Thảo Nguyên	25/06/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
190	TCCBMA18D22	Võ Hữu Nhất Phong	31/08/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
191	TCCBMA18D23	Trần Nguyễn Kỳ Phương	13/10/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
192	TCCBMA18D25	Lê Minh Sang	23/04/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
193	TCCBMA18D31	Nguyễn Mạnh Thắng	17/06/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
194	TCCBMA18D30	Nguyễn Thị Thu Thảo	14/11/2008	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
195	TCCBMA18D32	Ngô Duy Thiện	21/12/2008	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
196	TCCBMA18D33	Ngô Minh Thư	31/12/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
197	TCCBMA18D27	Đoàn Quốc Tiến	18/08/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
198	TCCBMA18D28	Nguyễn Hữu Tiến	12/09/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
199	TCCBMA18D34	Lê Huỳnh Bảo Trân	28/10/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
200	TCCBMA18D37	Nguyễn Huỳnh Như Ý	04/07/2009	TC-CBMA18D	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
201	TCCBTP18A01	Nguyễn Đình Quốc Anh	28/07/2009	TC-CBTP18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5	H
202	TCCBTP18A02	Nguyễn Kim	Anh	20/02/2009	TC-CBTP18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
203	TCCBTP18A04	Nguyễn Minh	Đạt	12/06/2009	TC-CBTP18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
204	TCCBTP18A03	Nguyễn Bảo	Duy	15/10/2009	TC-CBTP18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
205	TCCBTP18A05	Nguyễn Phi	Hùng	02/04/2007	TC-CBTP18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
206	TCCBTP18A06	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	19/10/2009	TC-CBTP18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
207	TCCBTP18A08	Huỳnh Công	Thành	15/08/2008	TC-CBTP18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
208	TCCBTP18A10	Thiều Thanh	Vinh	18/03/2009	TC-CBTP18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
209	TCCBTP18A11	Phan Hoàng	Vũ	15/06/2009	TC-CBTP18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
210	TCHDDL18A01	Điêu Nhật Hân	Di	17/07/2009	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
211	TCHDDL18A03	Phạm Duy	Hưng	05/08/2007	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
212	TCHDDL18A02	Đặng Mai	Huyền	16/01/2009	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
213	TCHDDL18A06	Nguyễn Đăng	Khôi	01/11/2008	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
214	TCHDDL18A04	Nguyễn Gia	Kiên	15/10/2009	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
215	TCHDDL18A07	Huỳnh Thị Hải	My	06/12/2009	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
216	TCHDDL18A08	Bùi Hào	Nam	15/07/2009	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
217	TCHDDL18A10	Võ Trương Mai Xuân	Nguyệt	07/11/2009	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
218	TCHDDL18A11	Nguyễn Thị Hải	Nhi	06/05/2009	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
219	TCHDDL18A12	Võ Phạm Quỳnh	Như	24/07/2009	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
220	TCHDDL18A13	Nguyễn Thanh	Quốc	13/10/2009	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
221	TCHDDL18A14	Trần	Sang	16/04/2004	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
222	TCHDDL18A17	Hoàng Ngọc	Thái	21/08/2005	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
223	TCHDDL18A18	Phạm Thị Kim	Thi	25/07/2009	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
224	TCHDDL18A19	Phạm Thanh	Thiện	29/05/2008	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
225	TCHDDL18A21	Huỳnh Thị Minh	Thư	11/07/2009	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
226	TCHDDL18A23	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	18/04/2009	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
227	TCHDDL18A24	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	13/05/2009	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5	H
228	TCHDDL18A22	Lương Thị Thu	Trang	16/02/2009	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
229	TCHDDL18A25	Nguyễn Nhật Hải	Triều	08/04/2009	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
230	TCHDDL18A26	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	19/10/2009	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
231	TCHDDL18A27	Nguyễn Hồ Duy	Uyên	02/10/2009	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
232	TCHDDL18A29	Đỗ Thị Tường	Vy	31/12/2009	TC-HDDL18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
233	TCHDDL18B01	Nguyễn Bảo Minh	Anh	03/11/2009	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
234	TCHDDL18B02	Đặng Thùy	Dung	09/10/2009	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
235	TCHDDL18B07	Lê Hoàng Thanh	Hiền	07/10/2009	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
236	TCHDDL18B10	Chu Chí	Khang	08/10/2009	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
237	TCHDDL18B11	Huỳnh Bảo	Khang	07/10/2009	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
238	TCHDDL18B12	Trần Thị Trà	My	07/04/2009	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
239	TCHDDL18B13	Nguyễn Thị Huyền	Nga	15/04/2008	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
240	TCHDDL18B15	Nguyễn Hoàng Hạ	Nhi	14/06/2009	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
241	TCHDDL18B16	Phạm Yên	Nhi	30/03/2009	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
242	TCHDDL18B17	Bùi Thy Kiều	Oanh	24/03/2009	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
243	TCHDDL18B18	Bạch Văn	Pháp	07/09/2008	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
244	TCHDDL18B19	Ngô Quốc	Thịnh	29/06/2009	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
245	TCHDDL18B20	Nguyễn Đào Thanh	Thuận	08/10/2009	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
246	TCHDDL18B22	Dương Trần Khánh	Trân	28/04/2009	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
247	TCHDDL18B23	Mai Bảo	Trân	30/03/2009	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
248	TCHDDL18B25	Phan Nguyễn Bảo	Uyên	08/10/2009	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
249	TCHDDL18B27	Nguyễn Hà Bích	Vy	09/08/2009	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
250	TCHDDL18B28	Trần Thị Triệu	Vy	07/05/2009	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
251	TCHDDL18B29	Hồng Hương	Xuân	27/11/2009	TC-HDDL18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
252	TCNVNH18A01	Đỗ Nhật Tuệ	Anh	19/12/2009	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
253	TCNVNH18A02	Nguyễn Trần Tuấn	Anh	23/08/2009	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5	H
254	TCNVNH18A03	Phạm Khánh	Bình	09/02/2009	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
255	TCNVNH18A04	Huỳnh Ngọc Minh	Châu	09/12/2009	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
256	TCNVNH18A05	Nguyễn Châu Trang	Đài	11/05/2009	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
257	TCNVNH18A06	Phan Thị Thu	Hà	25/01/2009	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
258	TCNVNH18A07	Nguyễn Thị Thu	Hằng	11/11/2009	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
259	TCNVNH18A10	Nguyễn Thanh	Lâm	20/10/2009	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
260	TCNVNH18A11	Nguyễn Hoài Khánh	Ly	06/04/2009	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
261	TCNVNH18A12	Nguyễn Phạm Khánh	Ngân	22/02/2009	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
262	TCNVNH18A13	Lê Như	Nguyên	05/01/2009	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
263	TCNVNH18A14	Trần Vinh	Nhân	15/04/2009	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
264	TCNVNH18A15	Hoàng Thị Yến	Nhi	09/04/2009	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
265	TCNVNH18A27	Nguyễn Hồng	Phú	29/09/1997	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
266	TCNVNH18A17	Nguyễn Bảo Nguyên	Phương	26/11/2008	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
267	TCNVNH18A23	Hoàng Nguyễn Anh	Thư	15/01/2009	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
268	TCNVNH18A25	Nguyễn Thị Bích	Trâm	05/04/2009	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
269	TCNVNH18A24	Hồ Nguyễn Thảo	Trang	21/06/2009	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
270	TCNVNH18A20	Võ Anh	Tuấn	16/12/2009	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
271	TCNVNH18A26	Từ Đỗ Khánh	Uyên	16/11/2009	TC-NVNH18	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
272	TCQTKS18A01	Lê Thị Tường	An	09/11/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
273	TCQTKS18A02	Nguyễn Thị Phương	Anh	05/01/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
274	TCQTKS18A03	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	01/08/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
275	TCQTKS18A04	Huỳnh Kim Bảo	Châu	10/06/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
276	TCQTKS18A05	Thái Hoàng Minh	Châu	06/04/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
277	TCQTKS18A07	Lê Nhật Mỹ	Duyên	25/10/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
278	TCQTKS18A09	Trần Ngọc Bảo	Hân	27/05/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
279	TCQTKS18A08	Lê Nguyễn Minh	Hạnh	19/06/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5	H
280	TCQTKS18A11	Nguyễn Lê Kiều	Hoa	13/11/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
281	TCQTKS18A12	Nguyễn Thị Kiều	Linh	15/10/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
282	TCQTKS18A14	Nguyễn Đông	Minh	07/06/2008	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
283	TCQTKS18A15	Nguyễn Hoàng	Nam	23/11/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
284	TCQTKS18A16	Nguyễn Thanh	Ngân	13/07/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
285	TCQTKS18A17	Trịnh Lê Như	Ngọc	20/09/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
286	TCQTKS18A18	Trương Thái Xuân	Nhi	17/07/2008	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
287	TCQTKS18A19	Đình Nguyễn Hoàng	Oanh	27/01/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
288	TCQTKS18A21	Đông Phúc	Son	07/03/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
289	TCQTKS18A22	Huỳnh Ngọc Bảo	Tâm	04/11/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
290	TCQTKS18A25	Nguyễn Võ Thiên	Thanh	05/08/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
291	TCQTKS18A26	Trần Ngọc Bảo	Thi	18/08/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
292	TCQTKS18A23	Lê Thị Thủy	Tiên	26/05/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
293	TCQTKS18A29	Nguyễn Bảo	Trân	05/07/2008	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
294	TCQTKS18A30	Nguyễn Thị Huyền	Trân	25/11/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
295	TCQTKS18A28	Vũ Trần Thu	Trang	20/05/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
296	TCQTKS18A31	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	26/12/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
297	TCQTKS18A32	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	17/04/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
298	TCQTKS18A33	Đỗ Ngọc	Uyên	27/05/2009	TC-QTKS18A	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
299	TCQTKS18B01	Nguyễn Hoài Kim	Anh	29/03/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
300	TCQTKS18B02	Trịnh Quỳnh	Anh	06/09/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
301	TCQTKS18B05	Đỗ Hoàng Bảo	Chi	04/11/2008	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
302	TCQTKS18B06	Phạm Hà	Chi	13/07/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
303	TCQTKS18B07	Trần Mỹ	Chi	12/11/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
304	TCQTKS18B04	Lã Quốc	Cường	21/04/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
305	TCQTKS18B09	Huỳnh Tuấn	Duy	21/09/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5	H
306	TCQTKS18B10	Đông Minh	Hà	02/09/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
307	TCQTKS18B11	Trần Thanh	Hải	10/11/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
308	TCQTKS18B13	Lê Trần Thanh	Hân	21/12/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
309	TCQTKS18B14	Mai Thục	Hân	29/06/2007	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
310	TCQTKS18B12	Đặng Thị Hồng	Hạnh	10/01/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
311	TCQTKS18B16	Huỳnh Ngọc	Hên	27/07/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
312	TCQTKS18B17	Nguyễn Thị Hồng	Huệ	02/08/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
313	TCQTKS18B18	Nguyễn Đăng	Khôi	30/08/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
314	TCQTKS18B19	Trần Thái Ngọc	Linh	19/10/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
315	TCQTKS18B20	Cao Lưu Trà	My	12/03/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
316	TCQTKS18B22	Nguyễn Thị Kim	Nghi	14/09/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
317	TCQTKS18B23	Y Phương Tuyết	Ngọc	05/02/2008	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
318	TCQTKS18B25	Đào Quỳnh	Như	05/12/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
319	TCQTKS18B27	Nguyễn Phi	Phụng	22/11/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
320	TCQTKS18B28	Chê Ngọc	Quý	23/09/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
321	TCQTKS18B29	Nguyễn Ngọc Thanh	Tâm	20/02/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
322	TCQTKS18B32	Phạm Nguyễn Anh	Thư	06/07/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
323	TCQTKS18B33	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	25/03/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
324	TCQTKS18B35	Phạm Thị Thùy	Trâm	27/07/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
325	TCQTKS18B34	Phan Hạ	Trang	08/03/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
326	TCQTKS18B37	Nguyễn Quốc	Trung	29/03/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
327	TCQTKS18B30	Vũ Ngọc	Tuyết	21/07/2009	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
328	TCQTKS18B31	Y Phương Ánh	Tuyết	11/01/2006	TC-QTKS18B	800.000	4.000.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
329	TCCNTT18A02	Phạm Chí	Bách	27/01/2009	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
330	TCCNTT18A03	Bùi Võ	Cường	16/03/2009	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
331	TCCNTT18A04	Trần Quốc	Dũng	29/08/2009	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5	H
332	TCCNTT18A05	Nguyễn Đại	Dương	05/04/2009	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
333	TCCNTT18A08	Nguyễn Hữu	Hiếu	25/05/2009	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
334	TCCNTT18A09	Nguyễn Văn	Hoàng	27/10/2009	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
335	TCCNTT18A10	Vũ Xuân	Hoàng	17/08/2009	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
336	TCCNTT18A13	Nguyễn Vũ Ngọc	Khánh	30/09/2009	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
337	TCCNTT18A14	Vĩnh Phương Bảo	Long	09/05/2003	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
338	TCCNTT18A15	Thái Gia	Minh	09/09/2009	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
339	TCCNTT18A17	Phạm Trí	Nguyên	13/02/2009	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
340	TCCNTT18A18	Phan Đức	Phát	14/10/2009	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
341	TCCNTT18A19	Lê Hoàng Gia	Phú	25/02/2009	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
342	TCCNTT18A27	Nguyễn Việt	Thắng	10/11/2009	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
343	TCCNTT18A26	Tạ Minh	Thành	12/12/2009	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
344	TCCNTT18A28	Đoàn Ngọc Bảo	Thịnh	19/05/2001	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
345	TCCNTT18A23	Trần Minh	Toàn	27/04/2009	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
346	TCCNTT18A29	Lê Lam	Trường	07/07/2009	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
347	TCCNTT18A30	Phan Tống	Vinh	12/05/2008	TC-CNTT18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
348	TCCNTT18B03	Lê Đức Tiến	Đạt	24/02/2004	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
349	TCCNTT18B04	Nguyễn Huỳnh Minh	Đức	24/04/2009	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
350	TCCNTT18B02	Nguyễn Văn Quốc	Dũng	07/06/2009	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
351	TCCNTT18B05	Lại Thị Ngọc	Hải	09/04/2009	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
352	TCCNTT18B06	Phạm Công	Hậu	19/06/2009	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
353	TCCNTT18B10	Nguyễn Quốc	Hung	14/09/2009	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
354	TCCNTT18B11	Nguyễn Phúc An	Khang	11/04/2009	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
355	TCCNTT18B14	Nguyễn Tấn	Lợi	02/07/2009	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
356	TCCNTT18B13	Trần Hưng Hoàng	Long	15/01/2009	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
357	TCCNTT18B15	Lê Bảo	Nam	07/07/2009	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp

STT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C	D	E	F	G=F*5	H
358	TCCNTT18B16	Ngô Nhật Nguyên	19/09/2007	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
359	TCCNTT18B17	Nguyễn Thành Nhân	18/11/2009	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
360	TCCNTT18B18	Nguyễn Tấn Phát	27/10/2009	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
361	TCCNTT18B21	Lê Tấn Quân	20/09/2009	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
362	TCCNTT18B22	Phan Huỳnh Minh Tâm	30/09/2009	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
363	TCCNTT18B25	Huỳnh Chí Thành	25/05/2009	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
364	TCCNTT18B27	Võ Chí Thiện	31/05/2009	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
365	TCCNTT18B28	Phạm Nguyễn Nhật Thy	05/06/2009	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
366	TCCNTT18B23	Bùi Xuân Tín	12/12/2009	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
367	TCCNTT18B24	Trần Đức Tuấn	09/09/2007	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
368	TCCNTT18B30	Võ Thanh Việt	30/11/2009	TC-CNTT18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
369	TCDICN18A01	Cao Gia Bảo	14/01/2008	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
370	TCDICN18A09	Lê Khánh Đăng	19/09/2009	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
371	TCDICN18A08	Nguyễn Thành Đạt	02/03/2009	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
372	TCDICN18A05	Nguyễn Khánh Duy	01/01/2009	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
373	TCDICN18A12	Trần Văn Hòa	12/06/2009	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
374	TCDICN17A40	Bùi Quang Huy	03/05/2008	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
375	TCDICN18A13	Nguyễn Gia Huy	01/02/2009	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
376	TCDICN18A17	Cao Xuân Khánh	16/01/2009	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
377	TCDICN18A18	Lê Quốc Khánh	02/09/2009	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
378	TCDICN18A19	Cao Hoàng Long	23/02/2009	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
379	TCDICN18A21	Đặng Thế Nghĩa	25/08/2009	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
380	TCDICN18A23	Phạm Văn Quốc Oai	05/09/2008	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
381	TCDICN18A24	Võ Hoàng Phong	14/10/2009	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
382	TCDICN18A25	Nguyễn Đình Phúc	30/01/2009	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
383	TCDICN18A26	Nguyễn Đình Thiên Phúc	18/09/2009	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5	H
384	TCDICN18A28	Nguyễn Chí	Thành	11/11/2009	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
385	TCDICN18A29	Nguyễn Duy	Thiện	05/08/2008	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
386	TCDICN18A31	Lê Minh	Thuận	28/08/2009	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
387	TCDICN18A34	Trần Hoàng Quốc	Trung	16/10/2009	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
388	TCDICN18A27	Phan Quốc	Tuấn	14/01/2009	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
389	TCDICN18A35	Cao Trần Thanh	Vinh	12/01/2008	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
390	TCDICN18A37	Lê Bùi Ngọc	Vũ	07/06/2009	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
391	TCDICN18A38	Nguyễn Hoàng	Vũ	01/04/2009	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
392	TCDICN18A39	Nguyễn Hồ Như	Ý	04/01/2007	TC-ĐCN18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
393	TCCNDT18A03	Phan Quốc Thái	Bình	17/06/1996	TC-ĐĐT18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
394	TCCNDT18A05	Nguyễn Tấn	Hoàng	22/07/2009	TC-ĐĐT18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
395	TCCNDT18A08	Nguyễn Duy	Khánh	10/07/2009	TC-ĐĐT18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
396	TCCNDT18A09	Cao Trần Nhật	Khiếu	29/09/2009	TC-ĐĐT18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
397	TCCNDT18A12	Nguyễn Thái	Lộc	06/07/2009	TC-ĐĐT18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
398	TCCNDT18A13	Nguyễn Đức	Mạnh	27/12/2008	TC-ĐĐT18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
399	TCCNDT18A14	Nguyễn Tấn	Nghiệp	14/05/2009	TC-ĐĐT18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
400	TCCNDT18A15	Lê Đạt	Nguyên	05/10/2009	TC-ĐĐT18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
401	TCCNDT18A17	Ngô Đình	Phú	18/11/2009	TC-ĐĐT18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
402	TCCNDT18A18	Nguyễn Tấn	Tài	11/09/2009	TC-ĐĐT18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
403	TCCNDT18A20	Nguyễn Thành	Trung	12/04/2009	TC-ĐĐT18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
404	TCCNDT18A23	Lưu Quốc	Vượng	07/01/2009	TC-ĐĐT18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
405	TCCNDT18A24	Nguyễn Hoàng Ngọc Tân	Xuân	29/04/2009	TC-ĐĐT18	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
406	TCKTML18A05	Huỳnh Thành	Đạt	05/01/2009	TC-KTML18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
407	TCKTML18A06	Nguyễn Phú	Đức	22/05/2009	TC-KTML18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
408	TCKTML18A04	Nguyễn Phi	Dũng	24/12/2009	TC-KTML18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
409	TCKTML18A07	Nguyễn Ngọc	Hải	02/01/2009	TC-KTML18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5	H
410	TCKTML18A08	Nguyễn Lê Thành	Huy	22/11/2009	TC-KTML18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
411	TCKTML18A11	Nguyễn Duy	Khánh	28/09/2009	TC-KTML18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
412	TCKTML18A12	Trần Hoàng Anh	Khoa	06/04/2009	TC-KTML18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
413	TCKTML18A09	Lê Quang	Kiệt	07/06/2009	TC-KTML18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
414	TCKTML18A14	Huỳnh Đăng	Nguyên	13/11/2005	TC-KTML18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
415	TCKTML18A17	Mai Xuân	Sang	04/09/2009	TC-KTML18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
416	TCKTML18A20	Trần Minh	Tân	19/02/2009	TC-KTML18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
417	TCKTML18A23	Nguyễn Lê Quốc	Thái	04/07/2009	TC-KTML18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
418	TCKTML18A25	Lê Xuân	Trương	16/05/2008	TC-KTML18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
419	TCKTML18A21	Nguyễn Văn	Tú	07/01/2009	TC-KTML18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
420	TCKTML18A22	Nguyễn Huỳnh Anh	Tuấn	26/01/2009	TC-KTML18A	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
421	TCKTML18B01	Trần Đức	Bình	27/03/2009	TC-KTML18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
422	TCKTML18B03	Trần Minh	Duy	20/10/2009	TC-KTML18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
423	TCKTML18B08	Nguyễn Thanh	Hòa	04/03/2005	TC-KTML18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
424	TCKTML18B10	Lê Tuấn	Khải	17/05/2007	TC-KTML18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
425	TCKTML18B11	Đoàn Dĩ	Khang	06/09/2009	TC-KTML18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
426	TCKTML18B13	Huỳnh Tấn	Khiêm	06/07/2009	TC-KTML18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
427	TCKTML18B14	Ngô Tấn Thành	Nam	30/07/2009	TC-KTML18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
428	TCKTML18B17	Nguyễn Gia	Quý	21/02/2009	TC-KTML18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
429	TCKTML18B21	Hồ Khương Tuấn	Thanh	02/12/2008	TC-KTML18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
430	TCKTML18B22	Ngô Ngọc	Thành	05/08/2009	TC-KTML18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
431	TCKTML18B23	Lưu Đình	Thảo	27/11/2009	TC-KTML18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
432	TCKTML18B24	Trần Quốc	Trọng	09/05/2009	TC-KTML18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
433	TCKTML18B25	Nguyễn Phi	Trường	04/04/2009	TC-KTML18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
434	TCKTML18B19	Trần Mạnh	Tuấn	11/08/2009	TC-KTML18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
435	TCKTML18B20	Nguyễn	Tùng	22/09/2009	TC-KTML18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền miễn học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5	H
436	TCKTML18B26	Lương Cao Quốc	Việt	31/12/2008	TC-KTML18B	900.000	4.500.000	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp
437	CDQTKS18A07	Lê Nguyễn An	Hòa	06/06/2006	CĐ-QTKS18	860.000	4.300.000	Sinh viên khuyết tật
438	CDCNTT18A05	Đỗ Trung Ngọc	Bảo	29/08/2004	CĐ-CNTT18A	940.000	4.700.000	Sinh viên khuyết tật
439	CDCNTT18A14	Võ Thanh	Hoài	22/11/2005	CĐ-CNTT18A	940.000	4.700.000	Sinh viên khuyết tật
440	CDCNOT17B33	Nguyễn Đình	Thiên	23/05/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	4.700.000	Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa
441	CDCNTT17B12	Nguyễn Trọng	Hữu	04/03/2004	CĐ-CNTT17B	940.000	4.700.000	Sinh viên khuyết tật
442	CDDICN17B10	Lê Quang	Huy	17/10/2005	CĐ-ĐCN17B	940.000	4.700.000	Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo
Tổng: 442							1.930.300.000	

Danh sách này có 442 HSSV

DANH SÁCH GIẢM HỌC PHÍ HỌC KÌ I (ĐỢT 1) NĂM HỌC 2025-2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 352/QĐ-CĐKTCN ngày 29 tháng 10 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

STT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C	D	E	F	G=F*5*70%	H
1	CDCGKL17A01	Nguyễn Trọng Ân	03/02/2005	CĐ-CGKL17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
2	CDCGKL17A02	Bùi Trọng Cường	05/01/2005	CĐ-CGKL17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
3	CDCGKL17A03	Võ Tấn Đạt	20/04/2005	CĐ-CGKL17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
4	CDCGKL17A04	Đỗ Cao Duy	21/11/2005	CĐ-CGKL17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
5	CDCGKL17A05	Nguyễn Lương Huy	14/07/2005	CĐ-CGKL17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
6	CDCGKL17A06	Phạm Quốc Khánh	20/03/2005	CĐ-CGKL17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
7	CDCGKL17A09	Nguyễn Thành Tài	01/02/2005	CĐ-CGKL17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
8	CDCGKL17A10	Trần Đăng Đức Tùng	07/03/2005	CĐ-CGKL17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
9	CDCNOT17A01	Nguyễn Hoàng Anh	19/07/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
10	CDCNOT17A02	Nguyễn Chấn Bảo	30/03/1999	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
11	CDCNOT17A03	Lưu Thành Công	02/10/2003	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
12	CDCNOT17A04	Phạm Tấn Danh	11/05/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
13	CDCNOT17A05	Hồ Lê Tiến Đạt	16/09/2003	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
14	CDCNOT17A06	Bùi Văn Đức	12/03/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
15	CDCNOT17A07	Huỳnh Nhật Hiếu	18/03/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
16	CDCNOT17A08	Huỳnh Công Hòa	24/04/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
17	CDCNOT17A09	Trần Đức Huy	11/09/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
18	CDCNOT17A10	Vũ Quang Huy	08/07/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5*70%	H
19	CDCNOT17A12	Nguyễn Quốc	Kha	15/12/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
20	CDCNOT17A13	Lê Công Nguyên	Khôi	06/09/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
21	CDCNOT17A14	Nguyễn Minh	Khôi	18/01/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
22	CDCNOT17A11	Trần Văn	Kiệt	11/11/2003	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
23	CDCNOT17A15	Lê	Lai	14/09/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
24	CDCNOT17A17	Nguyễn Thành	Nhân	29/08/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
25	CDCNOT17A18	Nguyễn Đức	Phát	27/12/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
26	CDCNOT17A19	Huỳnh Minh	Phong	04/05/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
27	CDCNOT17A21	Bo Mang Hoàng	Phúc	26/09/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
28	CDCNOT17A22	Nguyễn Tấn	Quốc	06/05/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
29	CDCNOT17A28	Trịnh Việt	Thắng	21/11/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
30	CDCNOT17A27	Trần Quang	Thành	15/03/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
31	CDCNOT17A29	Quý	Thịnh	30/07/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
32	CDCNOT17A30	Phan Trung	Thông	08/06/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
33	CDCNOT17A24	Trần Xuân	Tiến	11/09/2004	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
34	CDCNOT17A25	Lê Hữu	Toàn	04/10/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
35	CDCNOT17A26	Nguyễn Thành	Tuấn	06/08/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
36	CDCNOT17A31	Trần Long	Vĩ	18/04/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
37	CDCNOT17A32	Trần Lê Hoàng	Việt	29/09/2005	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
38	CDCNOT17A34	Nguyễn Long	Vũ	09/06/2003	CĐ-CNOT17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
39	CDCNOT17B01	Nguyễn Thanh	An	11/03/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
40	CDCNOT17B02	Nguyễn Cao Thành	Bin	22/10/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
41	CDCNOT17B03	Phan Tấn	Chơn	12/10/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
42	CDCNOT17B04	Võ Thành Công	Danh	15/04/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
43	CDCNOT17B07	Nguyễn Hữu	Đạt	08/11/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5*70%	H
44	CDCNOT17B09	Phạm Ngọc Minh	Đức	04/12/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
45	CDCNOT17B05	Nguyễn Đoàn Anh	Dũng	01/01/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
46	CDCNOT17B06	Kiều Quang	Duy	26/08/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
47	CDCNOT17B10	Lê Trung	Hiếu	29/07/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
48	CDCNOT17B12	Tôn Huỳnh	Hoàng	20/08/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
49	CDCNOT17B14	Nguyễn Thanh	Huy	21/03/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
50	CDCNOT17B18	Diệp Bảo	Khang	24/07/2004	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
51	CDCNOT17B19	Ngô Bảo	Khang	09/11/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
52	CDCNOT17B20	Ngô Chấn	Khang	09/11/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
53	CDCNOT17B21	Phan Văn	Khanh	27/08/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
54	CDCNOT17B22	Lê Văn	Khôi	17/09/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
55	CDCNOT17B16	Lê Trung	Kiên	19/04/2004	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
56	CDCNOT17B23	Nguyễn Thanh	Long	08/08/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
57	CDCNOT17B25	Đông Trọng	Nghĩa	18/07/2000	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
58	CDCNOT17B27	Nguyễn Hoàng	Phát	08/12/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
59	CDCNOT17B28	Phan Văn	Phong	18/10/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
60	CDCNOT17B29	Trần Tiến	Phước	05/05/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
61	CDCNOT17B32	Võ Đại	Thành	14/12/2003	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
62	CDCNOT17B34	Lê Nguyễn Vĩnh	Thọ	05/05/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
63	CDCNOT17B30	Vũ Trần	Tiến	18/09/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
64	CDCNOT17B35	Đặng Việt	Trường	30/11/2004	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
65	CDCNOT17B36	Trần Quốc	Việt	11/05/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
66	CDCNOT17B37	Lê Hoàng	Vũ	11/07/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
67	CDCNOT17B38	Trần Thế	Vũ	10/01/2005	CĐ-CNOT17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
68	CDCNOT17C01	Lâm Hoàng	Anh	16/02/2003	CĐ-CNOT17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5*70%	H
69	CDCNOT17C02	Trần Gia	Bảo	05/06/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
70	CDCNOT17C03	Võ Khánh	Chung	27/01/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
71	CDCNOT17C05	Ngô Trọng	Đức	22/06/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
72	CDCNOT17C04	Nguyễn Ngọc Đại	Dương	11/11/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
73	CDCNOT17C06	Nguyễn Ngọc	Hải	06/07/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
74	CDCNOT17C07	Phan Ngọc	Hiền	06/05/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
75	CDCNOT17C08	Đỗ Quốc	Huy	05/04/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
76	CDCNOT17C09	Nguyễn Trần Ngọc	Huy	15/04/2003	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
77	CDCNOT17C10	Trần Tiến	Huy	12/04/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
78	CDCNOT17C14	Đoàn Trí	Khôi	27/09/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
79	CDCNOT17C12	Lê Đức	Kiệt	21/02/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
80	CDCNOT17C13	Võ Anh	Kỳ	24/05/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
81	CDCNOT17C15	Nguyễn Đặng Anh	Luật	19/01/2003	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
82	CDCNOT17C17	Phạm Văn	Nghĩa	16/03/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
83	CDCNOT17C18	Mang	Nhân	17/08/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
84	CDCNOT17C20	Phạm Tuấn	Phong	05/11/2000	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
85	CDCNOT17C21	Nguyễn	Phúc	23/04/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
86	CDCNOT17C23	Cao Linh	Tâm	26/06/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
87	CDCNOT17C27	Lê Tấn	Thông	26/07/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
88	CDCNOT17C28	Đoàn Hữu	Thuận	17/04/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
89	CDCNOT17C25	Nguyễn Thanh	Tuấn	23/05/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
90	CDCNOT17C29	Ngô Trường	Vũ	27/08/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
91	CDCNOT17C30	Tô Văn	Vương	03/04/2005	CĐ-CN0T17C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
92	CDKTXD17A02	Phạm Khắc	Đạt	22/06/2004	CĐ-KTXD17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
93	CDKTXD17A01	Nguyễn Trường Việt	Dũng	28/03/2005	CĐ-KTXD17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5*70%	H
94	CDKTXD17A03	Nguyễn Lê Nhật	Huy	01/03/2005	CĐ-KTXD17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
95	CDKTXD17A04	Nguyễn Minh	Khoa	17/01/2005	CĐ-KTXD17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
96	CDKTXD17A05	Nguyễn Trí	Lực	25/05/2005	CĐ-KTXD17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
97	CDKTXD17A06	Phạm Quốc	Nguyên	12/01/2005	CĐ-KTXD17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
98	CDKTXD17A07	Nguyễn Việt	Nhân	30/07/2005	CĐ-KTXD17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
99	CDKTXD17A08	Trần Nhật	Quang	26/06/2005	CĐ-KTXD17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
100	CDCBMA17A01	Nguyễn Hải	Đăng	05/08/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
101	CDCBMA17A02	Nguyễn Tấn	Đức	25/09/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
102	CDCBMA17A03	Quách Thị Thái	Hà	16/02/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
103	CDCBMA17A04	Nguyễn Minh	Hân	07/12/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
104	CDCBMA17A06	Nguyễn Hoàng	Khang	25/01/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
105	CDCBMA17A07	Thị	Linh	24/02/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
106	CDCBMA17A08	Nguyễn Công	Lộc	26/08/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
107	CDCBMA17A09	Nguyễn Tiến	Lộc	24/03/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
108	CDCBMA17A10	Nguyễn Vũ Hoài	Phong	17/10/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
109	CDCBMA17A11	Bùi Văn	Tài	29/11/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
110	CDCBMA17A12	Nguyễn Hữu Trí	Tài	05/02/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
111	CDCBMA17A15	Nguyễn Trương	Thành	10/01/2003	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
112	CDCBMA17A16	Nguyễn Trịnh Ngọc	Thảo	14/12/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
113	CDCBMA17A17	Hà Hữu	Thịnh	15/07/2004	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
114	CDCBMA17A18	Dương Văn Minh	Thuận	12/05/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
115	CDCBMA17A19	Nguyễn Văn	Trọng	16/08/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
116	CDCBMA17A20	Phan Thị Ngọc	Trúc	02/02/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
117	CDCBMA17A13	Huỳnh Võ Nhật	Tú	06/11/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
118	CDCBMA17A14	Nguyễn Thanh	Tuấn	08/04/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5*70%	H
119	CDCBMA17A21	Mầu Thị Yến	Vi	28/12/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
120	CDCBMA17A22	Mang Thị Kim	Xuân	24/08/2005	CĐ-CBMA17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
121	CDCBTP17A02	Ngô Hùng	Chiến	26/08/2005	CĐ-CBTP17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
122	CDCBTP17A03	Trần Thị Mỹ	Hào	02/11/2005	CĐ-CBTP17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
123	CDCBTP17A06	Nguyễn Thị Trúc	Ly	25/10/2005	CĐ-CBTP17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
124	CDCBTP17A09	Trần Tấn	Phát	21/01/2005	CĐ-CBTP17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
125	CDCBTP17A10	Phan Thị Ánh	Sương	02/05/2005	CĐ-CBTP17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
126	CDCBTP17A12	Nguyễn Văn	Thuận	28/08/2005	CĐ-CBTP17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
127	CDCBTP17A13	Võ Anh	Thuận	06/11/2004	CĐ-CBTP17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
128	CDCBTP17A11	Phan Thiên	Tuyên	15/01/2005	CĐ-CBTP17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
129	CDDICN17A01	Huỳnh	Chí	25/08/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
130	CDDICN17A02	Phan Võ Thành	Danh	10/01/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
131	CDDICN17A03	Nguyễn Thành	Đạt	08/01/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
132	CDDICN17A04	Phan Minh	Hiệp	08/11/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
133	CDDICN17A05	Nguyễn Chí	Hiếu	12/01/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
134	CDDICN17A06	Nguyễn Đức	Huy	01/04/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
135	CDDICN17A08	Phạm Lộc	Khang	10/12/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
136	CDDICN17A09	Nguyễn Đăng	Khoa	05/02/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
137	CDDICN17A07	Trần Anh	Kiệt	21/12/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
138	CDDICN17A10	Mai Văn	Liên	24/04/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
139	CDDICN17A11	Trần Quang	Lực	11/08/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
140	CDDICN17A12	Nguyễn Công	Lý	27/01/2000	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
141	CDDICN17A13	Đặng Hữu Phong	Minh	20/11/2004	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
142	CDDICN17A14	Huỳnh Tấn	Minh	04/01/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
143	CDDICN17A15	Đinh Hiếu	Nghĩa	17/08/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5*70%	H
144	CDDICN17A16	Nguyễn Trung	Nguyễn	01/12/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
145	CDDICN17A17	Võ Tấn Thành	Nhân	09/09/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
146	CDDICN17A18	Hồ Hữu	Nhơn	23/04/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
147	CDDICN17A19	Nguyễn Trường	Phúc	28/12/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
148	CDDICN17A20	Trần Minh	Quân	23/05/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
149	CDDICN17A21	Nguyễn Thành	Sơn	05/11/2004	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
150	CDDICN17A22	Phạm Văn	Tài	25/09/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
151	CDDICN17A28	Đoàn	Thắng	11/12/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
152	CDDICN17A27	Nguyễn Phùng Quang	Thành	01/06/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
153	CDDICN17A29	Đặng Đức	Thiện	07/08/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
154	CDDICN17A24	Lữ Kỳ	Toàn	01/05/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
155	CDDICN17A30	Lê Nhật	Trường	28/11/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
156	CDDICN17A25	Trương Thanh	Tuấn	11/10/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
157	CDDICN17A26	Phạm Minh	Tùng	11/11/2005	CĐ-ĐCN17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
158	CDDICN17B01	Võ Văn	Cảnh	17/06/2004	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
159	CDDICN17B02	Nguyễn Quốc	Chí	12/02/2005	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
160	CDDICN17B03	Lê Nguyễn Thành	Đạt	03/02/2005	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
161	CDDICN17B04	Nguyễn Văn	Đạt	22/10/2005	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
162	CDDICN17B05	Tạ Công	Hiếu	30/07/2005	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
163	CDDICN17B06	Trần	Hiếu	20/02/2004	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
164	CDDICN17B07	Nguyễn Văn	Hoài	19/09/2005	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
165	CDDICN17B08	Nguyễn Phi	Hùng	14/09/2004	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
166	CDDICN17B09	Bùi Huỳnh Gia	Huy	09/07/2005	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
167	CDDICN17B13	Nguyễn Lê	Khải	21/02/2004	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
168	CDDICN17B11	Phạm Trung	Kiên	09/06/2005	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5*70%	H
169	CDDICN17B12	Võ Châu Tuấn	Kiệt	23/11/2005	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
170	CDDICN17B14	Nguyễn Thái	Lộc	28/06/2005	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
171	CDDICN17B15	Nguyễn Trọng	Nghĩa	23/08/2005	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
172	CDDICN17B16	Ngô Trọng	Quyền	25/10/2005	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
173	CDDICN17B18	Nguyễn Hữu	Tâm	07/12/2005	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
174	CDDICN17B20	Lê Quốc	Thái	27/10/2005	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
175	CDDICN17B21	Phạm Hữu	Thắng	13/02/2005	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
176	CDDICN17B22	Nguyễn Thành	Thiện	23/02/2005	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
177	CDDICN17B19	Phạm Kiều	Tiên	28/08/2002	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
178	CDDICN17B23	Hoàng Quốc	Trung	30/03/2005	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
179	CDDICN17B26	Lê Trọng	Vinh	19/06/2005	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
180	CDDICN17B27	Rơ Mah	Yãi	20/08/2004	CĐ-ĐCN17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
181	CDCNNDT17A01	Trương Thành	Công	01/08/2005	CĐ-ĐĐT17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
182	CDCNNDT17A02	Phạm Đức	Hiếu	10/03/2005	CĐ-ĐĐT17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
183	CDCNNDT17A03	Huỳnh Lâm	Huy	08/05/2003	CĐ-ĐĐT17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
184	CDCNNDT17A04	Phan Hoàng	Khang	09/03/2005	CĐ-ĐĐT17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
185	CDCNNDT17A05	Trần Ngọc Duy	Luân	15/11/2005	CĐ-ĐĐT17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
186	CDCNNDT17A06	Hoàng Tấn	Lực	05/01/2005	CĐ-ĐĐT17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
187	CDCNNDT17A07	Hồ Nguyễn Hoài	Nam	03/07/2005	CĐ-ĐĐT17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
188	CDCNNDT17A08	Cao Thanh	Phát	06/09/2005	CĐ-ĐĐT17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
189	CDCNNDT17A09	Nguyễn	Phong	22/08/2005	CĐ-ĐĐT17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
190	CDCNNDT17A10	Trần Minh	Phước	25/10/1999	CĐ-ĐĐT17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
191	CDCNNDT17A11	Lê Minh	Quyền	02/05/2005	CĐ-ĐĐT17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
192	CDCNNDT17A13	Phan Anh	Thắng	10/01/2005	CĐ-ĐĐT17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
193	CDCNNDT17A14	Bùi Văn	Thị	05/09/2003	CĐ-ĐĐT17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5*70%	H
194	CDCNDT17A15	Phan Huy	Thuận	28/03/2002	CĐ-ĐĐT17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
195	CDCNDT17A16	Trần Minh	Trung	26/05/2005	CĐ-ĐĐT17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
196	CDCNDT17A17	Bùi Duy	Trường	23/09/2005	CĐ-ĐĐT17	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
197	CDKTM17A02	Trần Quốc	Bảo	25/04/2005	CĐ-KTML17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
198	CDKTM17A04	Lê Thành	Đạt	07/09/2005	CĐ-KTML17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
199	CDKTM17A05	Nguyễn Minh	Đức	23/03/1994	CĐ-KTML17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
200	CDKTM17A06	Nguyễn Ngọc	Hùng	19/10/2005	CĐ-KTML17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
201	CDKTM17A07	Mai Phúc	Huy	16/11/2005	CĐ-KTML17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
202	CDKTM17A08	Phạm	Lộc	16/06/2005	CĐ-KTML17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
203	CDKTM17A09	Lý Phi	Lực	14/12/2005	CĐ-KTML17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
204	CDKTM17A11	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	02/08/2005	CĐ-KTML17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
205	CDKTM17A12	Trần Mai Anh	Nguyên	16/12/2004	CĐ-KTML17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
206	CDKTM17A10	Huỳnh Tấn	Ninh	09/09/2005	CĐ-KTML17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
207	CDKTM17A13	Trần Trọng Quốc	Phong	01/01/2005	CĐ-KTML17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
208	CDKTM17A14	Nguyễn Văn	Phước	08/11/2005	CĐ-KTML17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
209	CDKTM17A15	Phan Đặng Hoàng	Son	03/05/2005	CĐ-KTML17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
210	CDKTM17A16	Nguyễn Thành	Tâm	16/04/2005	CĐ-KTML17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
211	CDKTM17A17	Nguyễn Hoàng Minh	Thuận	17/05/2005	CĐ-KTML17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
212	CDKTM17A19	Trần Quốc	Trung	31/07/2005	CĐ-KTML17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
213	CDKTM17A20	Nguyễn Quốc	Việt	27/12/2005	CĐ-KTML17A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
214	CDKTM17B01	Mai Nguyễn Minh	Anh	02/06/2005	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
215	CDKTM17B02	Phan Văn	Chiến	26/07/2005	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
216	CDKTM17B03	Phạm Minh	Duy	23/05/2005	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
217	CDKTM17B04	Nguyễn Văn	Hòa	27/05/2005	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
218	CDKTM17B05	Nguyễn Thành Bảo	Huân	02/07/2005	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5*70%	H
219	CDKTML17B06	Phạm Đức	Huy	04/10/2005	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
220	CDKTML17B10	Lang Thanh	Nhàn	20/01/2004	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
221	CDKTML17B11	Hoàng Minh	Phong	05/07/2005	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
222	CDKTML17B12	Huỳnh Tấn	Phong	22/02/2004	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
223	CDKTML17B13	Nguyễn Thành	Phú	03/09/2004	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
224	CDKTML17B14	Nguyễn Minh	Phúc	02/03/2002	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
225	CDKTML17B15	Trần Đại	Phúc	17/07/2005	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
226	CDKTML17B17	Nguyễn Lê Bảo	Tài	01/01/2005	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
227	CDKTML17B19	Lê Nguyễn	Thành	26/12/2002	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
228	CDKTML17B20	Phạm Hoàng	Thành	20/04/2005	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
229	CDKTML17B21	Nguyễn Hữu	Thao	17/12/2004	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
230	CDKTML17B22	Võ	Triều	22/08/2005	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
231	CDKTML17B23	Nguyễn Hữu	Trung	05/12/2005	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
232	CDKTML17B18	Phạm Văn	Tường	30/07/2003	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
233	CDKTML17B24	Lê Đức	Việt	17/05/2005	CĐ-KTML17B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
234	CDCGKL18A02	Nguyễn Ngô Gia	Bình	30/03/2005	CĐ-CGKL18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
235	CDCGKL18A05	Hồ Thanh	Hải	06/10/2006	CĐ-CGKL18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
236	CDCGKL18A06	Nguyễn Huy	Hùng	14/12/2006	CĐ-CGKL18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
237	CDCGKL18A07	Nguyễn Nhi	Hùng	03/09/2006	CĐ-CGKL18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
238	CDCGKL18A09	Lê Quang	Hưng	24/03/1986	CĐ-CGKL18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
239	CDCGKL18A08	Trương Quốc	Huy	03/12/2006	CĐ-CGKL18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
240	CDCGKL18A10	Mai Ka	Ka	05/12/2006	CĐ-CGKL18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
241	CDCGKL18A11	Nguyễn Đăng	Khoa	02/07/2005	CĐ-CGKL18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
242	CDCGKL18A12	Trần Lê Trung	Lập	01/05/2006	CĐ-CGKL18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
243	CDCGKL18A14	Nguyễn Chung	Nhân	03/06/2006	CĐ-CGKL18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5*70%	H
244	CDCGKL18A15	Võ Thành	Nhiên	11/02/2006	CĐ-CGKL18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
245	CDCGKL18A16	Nguyễn Anh	Quân	07/10/2006	CĐ-CGKL18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
246	CDCGKL18A17	Phạm Anh	Quốc	18/01/2006	CĐ-CGKL18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
247	CDCGKL18A22	Lê Minh	Thuận	25/12/2006	CĐ-CGKL18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
248	CDCGKL18A19	Võ Thành	Tiến	13/03/2006	CĐ-CGKL18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
249	CDCGKL18A20	Võ Thành	Tiến	08/05/2006	CĐ-CGKL18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
250	CDCGKL18A23	Võ Quốc	Việt	17/08/2006	CĐ-CGKL18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
251	CDCGKL18A24	Nguyễn Cảnh	Vinh	06/08/2006	CĐ-CGKL18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
252	CDCNOT18A01	Nguyễn Thanh	An	21/02/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
253	CDCNOT18A02	Lê Gia	Bách	22/01/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
254	CDCNOT18A03	Trịnh Quốc	Bình	13/08/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
255	CDCNOT18A07	Huỳnh Hà Chương	Đại	27/12/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
256	CDCNOT18A05	Lê Anh	Duy	28/12/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
257	CDCNOT18A06	Nguyễn Thanh	Duy	15/03/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
258	CDCNOT18A10	Lê Phong	Hào	07/06/2005	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
259	CDCNOT18A12	Nguyễn Trọng	Hiếu	17/04/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
260	CDCNOT18A13	Mai Văn	Hùng	14/04/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
261	CDCNOT18A14	Huỳnh Thanh	Huy	12/01/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
262	CDCNOT18A16	Lê Gia	Khang	10/12/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
263	CDCNOT18A18	Phạm Đăng	Khôi	11/03/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
264	CDCNOT18A19	Nguyễn Hoàng	Lâm	25/06/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
265	CDCNOT18A20	Trần Mạnh	Linh	09/01/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
266	CDCNOT18A24	Trần Đức Anh	Minh	18/02/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
267	CDCNOT18A25	Đàm Tấn	Nguyên	04/01/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
268	CDCNOT18A27	Nguyễn Minh	Nhật	27/09/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5*70%	H
269	CDCNOT18A29	Nguyễn Hoàng	Phú	11/11/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
270	CDCNOT18A30	Hồ Trọng	Phúc	05/09/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
271	CDCNOT18A32	Từ Hữu	Quân	11/08/2005	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
272	CDCNOT18A43	Dương Đình Nhất	Quang	01/08/2004	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
273	CDCNOT18A33	Mạc Hoàng	Sa	21/02/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
274	CDCNOT18A34	Phạm Trí	Tài	12/02/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
275	CDCNOT18A39	Trần Ngọc	Thạch	18/03/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
276	CDCNOT18A40	Nguyễn Đắc	Thông	30/04/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
277	CDCNOT18A36	Phạm Ngọc	Tiến	14/03/2005	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
278	CDCNOT18A37	Nguyễn Trung	Tín	25/02/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
279	CDCNOT18A38	Nguyễn Hữu	Toàn	20/02/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
280	CDCNOT18A41	Nguyễn Văn	Trường	14/09/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
281	CDCNOT18A42	Nguyễn Hoàn	Vũ	28/09/2006	CĐ-CNOT18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
282	CDCNOT18B01	Hồ Đức	Bảo	19/04/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
283	CDCNOT18B02	Trương Đình	Chương	14/10/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
284	CDCNOT18B03	Ngô Xuân	Danh	27/01/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
285	CDCNOT18B07	Nguyễn Gia	Đạt	22/06/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
286	CDCNOT18B04	Nguyễn Đăng	Doanh	05/12/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
287	CDCNOT18B05	Nguyễn Hùng	Dũng	04/11/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
288	CDCNOT18B09	Nguyễn Duy Khải	Hoàng	18/02/2003	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
289	CDCNOT18B13	Nguyễn Việt	Khoa	29/01/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
290	CDCNOT18B16	Võ Nhật	Linh	09/01/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
291	CDCNOT18B17	Nguyễn Bảo	Luân	30/01/2005	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
292	CDCNOT18B19	Nguyễn Trọng	Lực	04/06/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
293	CDCNOT18B20	Vũ Ngọc	Minh	02/10/2001	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5*70%	H
294	CDCNOT18B21	Lưu Hồng	Nam	29/01/2005	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
295	CDCNOT18B23	Trần Minh	Nguyên	18/09/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
296	CDCNOT18B24	Nguyễn Thiện	Nhân	09/10/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
297	CDCNOT18B26	Nguyễn Huỳnh	Phúc	10/07/2003	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
298	CDCNOT18B27	Nguyễn Anh	Quân	06/06/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
299	CDCNOT18B29	Đỗ Thành	Sang	02/08/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
300	CDCNOT18B30	Lưu Văn	Sự	28/07/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
301	CDCNOT18B31	Võ Thành	Tân	26/10/2005	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
302	CDCNOT18B37	Nguyễn Huỳnh	Thiện	23/06/2001	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
303	CDCNOT18B38	Hồ Bùi Thành	Thuận	06/04/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
304	CDCNOT18B32	Trần Văn	Tiến	22/05/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
305	CDCNOT18B33	Võ Quốc	Tinh	01/01/2005	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
306	CDCNOT18B34	Hà Anh	Tuấn	30/06/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
307	CDCNOT18B35	Phạm Anh	Tuấn	05/06/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
308	CDCNOT18B41	Lê Thanh	Vinh	31/12/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
309	CDCNOT18B42	Nguyễn Thế	Vỹ	01/01/2006	CĐ-CNOT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
310	CDCNOT18C01	Ngô Quốc	Anh	09/07/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
311	CDCNOT18C02	Phạm Nhật	Bình	15/06/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
312	CDCNOT18C04	Mai Hữu	Đang	13/08/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
313	CDCNOT18C06	Nguyễn Nhật	Hào	18/04/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
314	CDCNOT18C09	Nguyễn Nhật	Huy	22/03/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
315	CDCNOT18C13	Bạch Quốc	Khánh	18/06/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
316	CDCNOT18C14	Ngô Ngọc Minh	Khôi	17/10/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
317	CDCNOT18C10	Phạm Trung	Kiên	25/09/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
318	CDCNOT18C15	Trần Văn	Lâm	03/07/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5*70%	H
319	CDCNOT18C16	Võ Tấn	Liên	14/08/2004	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
320	CDCNOT18C17	Nguyễn Tấn	Lộc	17/03/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
321	CDCNOT18C18	Lê Thành	Luận	13/06/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
322	CDCNOT18C19	Phan Văn	Minh	20/09/2004	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
323	CDCNOT18C20	Nguyễn Ngọc Hoài	Nghiêm	19/06/2005	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
324	CDCNOT18C21	Huỳnh Văn	Nguyên	23/07/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
325	CDCNOT18C23	Huỳnh Ngô Gia	Phong	19/08/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
326	CDCNOT18C24	Đình Quốc	Phú	16/08/2005	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
327	CDCNOT18C25	Hồ Minh	Quân	14/11/2005	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
328	CDCNOT18C26	Nguyễn Hoàng Thanh	Quân	21/12/2005	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
329	CDCNOT18C27	Khổng Trịnh Minh	Quyên	12/08/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
330	CDCNOT18C28	Phạm Ngọc	Sang	20/11/2004	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
331	CDCNOT18C29	Ngô Văn Thái	Sơn	12/01/2003	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
332	CDCNOT18C30	Tô Phạm Anh	Tài	09/09/2001	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
333	CDCNOT18C36	Trần Tấn	Thanh	27/08/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
334	CDCNOT18C31	Lê Quốc	Tiến	21/04/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
335	CDCNOT18C33	Lê Ngọc Minh	Toàn	03/06/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
336	CDCNOT18C39	Nguyễn Hoàng Minh	Trí	19/11/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
337	CDCNOT18C40	Đỗ Đức	Trọng	29/03/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
338	CDCNOT18C34	Nguyễn Hữu	Tú	18/07/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
339	CDCNOT18C41	Nguyễn Quốc	Việt	19/04/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
340	CDCNOT18C42	Lê Văn Tuấn	Vũ	16/12/2006	CĐ-CNOT18C	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
341	CDKTXD18A01	Kiều Ngọc Hoàng	Anh	07/09/2006	CĐ-KTXD18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
342	CDKTXD18A02	Trần Đình	Cường	11/01/1985	CĐ-KTXD18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
343	CDKTXD18A04	Nguyễn Quốc	Đạt	08/03/2005	CĐ-KTXD18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C	D	E	F	G=F*5*70%	H
344	CDKTXD18A08	Nguyễn Tô Thành Thuận	01/06/2006	CĐ-KTXD18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
345	CDKTXD18A09	Lương Nguyễn Quang Trường	30/11/2000	CĐ-KTXD18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
346	CDKTXD18A06	Huỳnh Quốc Tuấn	18/02/2006	CĐ-KTXD18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
347	CDKTXD18A10	Nguyễn Ngọc Yến Vy	07/06/2005	CĐ-KTXD18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
348	CDCBMA18A02	Nguyễn Quốc Anh	23/09/2006	CĐ-CBMA18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
349	CDCBMA18A07	Đỗ Xuân Dương	23/08/2006	CĐ-CBMA18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
350	CDCBMA18A08	Trần Đình Kỳ	17/12/2006	CĐ-CBMA18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
351	CDCBMA18A12	Nguyễn Thị Hoài My	27/05/2006	CĐ-CBMA18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
352	CDCBMA18A13	Trần Võ Hoài Nam	02/04/2006	CĐ-CBMA18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
353	CDCBMA18A14	Phan Công Ngọc	25/08/2006	CĐ-CBMA18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
354	CDCBMA18A15	Phạm Văn Quý	24/07/2006	CĐ-CBMA18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
355	CDCBMA18A21	Trần Minh Thùy	29/01/1997	CĐ-CBMA18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
356	CDCBMA18A16	Nguyễn Mạnh Tiến	02/10/2005	CĐ-CBMA18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
357	CDCBMA18A22	Võ Thị Ngọc Trà	15/11/2005	CĐ-CBMA18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
358	CDCBMA18A23	Phạm Bá Trường	12/07/2005	CĐ-CBMA18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
359	CDCBMA18A18	Nguyễn Thanh Tùng	15/05/2006	CĐ-CBMA18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
360	CDCBMA18A24	Võ Quốc Việt	22/04/2006	CĐ-CBMA18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
361	CDCBTP18A02	Nguyễn Trương Mỹ Kim	07/01/2005	CĐ-CBTP18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
362	CDCBTP18A03	Trần Lê Mỹ Kim	16/10/2006	CĐ-CBTP18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
363	CDCBTP18A05	Nguyễn Trà My	01/03/2006	CĐ-CBTP18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
364	CDCBTP18A10	Thị Ý	08/03/2006	CĐ-CBTP18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
365	CDHDDL18A05	Nguyễn Tấn Hoàng	02/09/2006	CĐ-HDDL18	860.000	3.010.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
366	CDHDDL18A08	Trần Xuân Như	05/02/2006	CĐ-HDDL18	860.000	3.010.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
367	CDHDDL18A12	Vũ Quang Thắng	01/12/2006	CĐ-HDDL18	860.000	3.010.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
368	CDHDDL18A13	Nguyễn Lê Phước Thịnh	20/10/2006	CĐ-HDDL18	860.000	3.010.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5*70%	H
369	CDDICN18A01	Trần Văn	Bính	15/12/2006	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
370	CDDICN18A02	Uông Ngọc	Cường	04/12/2006	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
371	CDDICN18A04	Hồ Anh	Đức	14/10/2006	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
372	CDDICN18B03	Lê Trần Nhất	Duy	17/09/2006	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
373	CDDICN18B04	Nguyễn Ngọc Bảo	Duy	05/06/2006	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
374	CDDICN18B07	Nguyễn Võ Thanh	Hung	26/08/1996	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
375	CDDICN18A06	Nguyễn Võ Đăng	Khoa	09/10/2006	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
376	CDDICN18A07	Lê Đăng	Khôi	18/11/2006	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
377	CDDICN18B09	Võ Kim Minh	Khôi	24/11/2006	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
378	CDDICN18A08	Phan Thành	Long	10/04/2006	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
379	CDDICN18B11	Nguyễn Đức	Lực	07/03/2006	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
380	CDDICN18A10	Võ Đức	Nguyên	11/03/2005	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
381	CDDICN18A12	Trịnh Hoàng	Phong	26/02/2003	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
382	CDDICN18A13	Nguyễn Phan Hữu	Phước	18/09/2006	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
383	CDDICN18A15	Nguyễn Thanh	Quốc	14/02/2006	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
384	CDDICN18A16	Trương Minh	Tài	26/02/2002	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
385	CDDICN18B16	Nguyễn Trần Tiến	Thắng	24/07/2006	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
386	CDDICN18B17	Nguyễn Đức	Trọng	18/05/2006	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
387	CDDICN18A21	Cao Thành	Vinh	03/06/2006	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
388	CDDICN18B19	Đặng Quang	Vinh	11/04/2006	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
389	CDDICN18B20	Lê Hoàng	Vũ	05/01/1999	CĐ-ĐCN18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
390	CDCNNDT18A01	Bùi Phạm Tài	Anh	17/10/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
391	CDCNNDT18A02	Đạo Thập	Anh	04/01/1996	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
392	CDCNNDT18A04	Nguyễn Huy	Bình	27/01/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
393	CDCNNDT18A06	Trần Ngọc	Châu	02/12/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5*70%	H
394	CDCNDT18A07	Huỳnh Ngọc	Dũng	29/10/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
395	CDCNDT18A08	Nguyễn Đình	Duy	24/04/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
396	CDCNDT18A09	Nguyễn Hữu	Ghi	30/10/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
397	CDCNDT18A10	Nguyễn Nhật	Hoàng	31/08/2005	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
398	CDCNDT18A12	Nguyễn Mạnh	Khang	29/04/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
399	CDCNDT18A17	Nguyễn Tấn	Lộc	30/03/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
400	CDCNDT18A18	Phạm Nguyễn Tấn	Lợi	25/11/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
401	CDCNDT18A15	Đỗ Lâm Nhật	Long	04/03/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
402	CDCNDT18A16	Nguyễn Đỗ Thiên	Long	04/02/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
403	CDCNDT18A19	Kator Sĩ	Luôn	13/12/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
404	CDCNDT18A20	Lương Hoàng	Mỹ	11/06/2005	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
405	CDCNDT18A21	Phạm Hoài	Nam	08/10/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
406	CDCNDT18A22	Nguyễn Trần Tấn	Nguyên	29/07/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
407	CDCNDT18A23	Cù Tấn Thành	Nhân	21/07/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
408	CDCNDT18A24	Nguyễn Thành	Nhân	04/11/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
409	CDCNDT18A25	Đỗ Trần Trịnh	Phong	31/12/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
410	CDCNDT18A26	Lê Khải	Phong	21/09/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
411	CDCNDT18A29	Phạm Trần Phú	Quý	24/06/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
412	CDCNDT18A30	Lê Nhật	Sơn	25/02/2005	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
413	CDCNDT18A31	Biện Ngọc	Thành	24/01/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
414	CDCNDT18A32	Bùi Văn	Thịnh	14/10/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
415	CDCNDT18A34	Nguyễn Văn	Trãi	21/04/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
416	CDCNDT18A35	Kinh Quang	Triệu	01/06/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
417	CDCNDT18A36	Nguyễn Nhật	Trường	13/10/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
418	CDCNDT18A38	Nguyễn Hoàng	Vỹ	24/06/2006	CĐ-ĐĐT18	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5*70%	H
419	CDKTML18A01	Trần Đức	Anh	02/04/2006	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
420	CDKTML18A02	Phùng Văn	Cường	22/05/2006	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
421	CDKTML18A05	Nguyễn Tiến	Đạt	27/12/2006	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
422	CDKTML18A03	Nguyễn Tấn	Dũng	06/09/2005	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
423	CDKTML18A04	Nguyễn Ngọc	Duy	14/07/2006	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
424	CDKTML18A06	Ngô Tấn	Giang	03/11/2005	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
425	CDKTML18A07	Nguyễn Phi	Hậu	02/09/2005	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
426	CDKTML18A08	Nguyễn Minh	Hoàng	24/02/2006	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
427	CDKTML18A10	Trần Văn	Hoạt	21/12/2004	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
428	CDKTML18A12	Dương Chánh	Hung	14/12/2006	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
429	CDKTML18A11	Phạm Thành	Huy	05/04/2006	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
430	CDKTML18A13	Nguyễn Trung	Kiên	19/12/2006	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
431	CDKTML18A15	Nguyễn Thanh	Minh	08/05/2006	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
432	CDKTML18A16	Lê Hoàng	Phong	18/05/2006	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
433	CDKTML18A19	Nguyễn Minh	Tâm	11/08/2006	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
434	CDKTML18A21	Đặng Duy	Thạch	18/11/2006	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
435	CDKTML18A24	Trần Anh	Thắng	23/10/2006	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
436	CDKTML18A25	Nguyễn Quốc	Thịnh	05/09/2006	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
437	CDKTML18A20	Lương Lý	Tịnh	17/06/2006	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
438	CDKTML18A27	Ngô Sinh	Truyền	02/10/2000	CĐ-KTML18A	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
439	CDKTML18B01	Nguyễn Huỳnh	Bảo	10/04/2004	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
440	CDKTML18B02	Nguyễn Văn	Bình	21/10/2002	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
441	CDKTML18B03	Đỗ Thái	Dương	20/12/2005	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
442	CDKTML18B05	Nguyễn Anh	Hào	19/02/2006	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
443	CDKTML18B07	Huỳnh Văn	Hiếu	10/06/2003	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

STT	Mã HSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mức học phí/tháng (đồng)	Tổng tiền giảm học phí (đồng)	Đối tượng miễn học phí
A	B	C		D	E	F	G=F*5*70%	H
444	CDKTML18B09	Nguyễn Trọng	Hoàng	20/10/2006	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
445	CDKTML18B10	Huỳnh Ngọc	Huy	05/02/2006	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
446	CDKTML18B11	Nguyễn Minh	Huy	22/01/2006	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
447	CDKTML18B12	Nguyễn Quốc	Huy	06/11/2006	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
448	CDKTML18B13	Trương Trần Quốc	Huy	19/05/2006	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
449	CDKTML18B14	Phạm Huy	Khang	11/01/2006	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
450	CDKTML18B15	Hà Hoàng	Ngân	18/12/2006	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
451	CDKTML18B16	Nguyễn Thời	Phong	08/08/2006	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
452	CDKTML18B17	Trần Ngọc	Phú	30/08/2006	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
453	CDKTML18B18	Nguyễn Khắc Minh	Quân	26/04/2006	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
454	CDKTML18B19	Nguyễn Huỳnh Minh	Tấn	17/10/2006	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
455	CDKTML18B22	Nguyễn Kim	Thạch	08/08/2005	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
456	CDKTML18B20	Nguyễn Tân	Tiến	22/07/2001	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
457	CDKTML18B21	Nguyễn Thành	Tín	14/02/2006	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
458	CDKTML18B26	Nguyễn Quang	Trung	26/04/2006	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
459	CDKTML18B27	Hồ Hoàng	Viên	05/05/2006	CĐ-KTML18B	940.000	3.290.000	Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
460	TCCNOT18C20	Trần Tiến	Lợi	06/02/2006	TC-CNOT18C	900.000	3.150.000	Học sinh học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm
461	CDCNTT18B29	Cao Văn	Thượng	17/09/2003	CĐ-CNTT18B	940.000	3.290.000	Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc thôn đặc biệt khó khăn
Tổng: 461							1.515.430.000	

Danh sách này có 461 HSSV